

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 93/2020/ST – HNGĐ

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

“ V/v Yêu cầu ly hôn ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và ông Võ Trọng Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Hiếu Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 27/8/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2020/TLST – HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc: “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1976

Trú tại: Thôn 5 (Thôn 9 cũ), xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

** Bị đơn:* Anh Phạm Văn H – Sinh năm: 1977

Trú tại: Thôn 5 (Thôn 9 cũ), xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Không có lý do).

** Người làm chứng:* Ông Phạm Văn H – Sinh năm: 1950

Trú tại: Thôn 5 (Thôn 9 cũ), xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H sống chung như vợ chồng từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Chị H và anh H chung sống hạnh phúc và sinh được 3 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do anh H lâm vào tệ nạn đánh bạc, không quan tâm tới gia đình vợ con, không có trách nhiệm tới gia đình. Mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên bảo,

nhưng anh H không sửa chữa. Vào năm 2013 anh H bị Tòa án xử phạt tù về tội “Đánh bạc”, sau khi chấp hành án về chị H nghĩ anh H sẽ sửa chữa, tu chí làm ăn. Nhưng anh H lại tiếp tục lao vào con đường tệ nạn “Đánh bạc”. Ngoài ra anh H có quan hệ với người đàn bà khác ở bên ngoài và có con riêng. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị H và anh H sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị H sống tại thôn 5, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An còn anh H sinh sống ở đâu làm gì thì chị H không biết. Nay giữa chị H và anh H không còn tình cảm nữa nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh H.

Về con chung: Chị H và anh H có 3 người con chung là Phạm Đức M – Sinh ngày 30/01/2001; Phạm Thị H – Sinh ngày 03/10/2007 và Phạm Văn S – Sinh ngày 28/5/2012. Đối với M hiện nay đã trưởng thành, còn 2 con là H và S và cháu, từ khi ly thân đến nay các con ở với chị H, nay ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt nên không có ý kiến.

- Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là ông Phạm Văn H vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn H trình bày:

Ông Phạm Văn H là bố của anh H, chị H là con dâu của ông H. Năm 2000 được gia đình 2 bên tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương. Sau khi làm đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 3 con, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng cãi nhau dẫn tới bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi phát sinh mâu thuẫn gia đình 2 bên có khuyên bảo nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất vào năm 2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì chị H vẫn sống tại địa phương còn anh H đi vào Miền Nam làm ăn sinh sống. Anh H đi làm ăn ở Miền Nam từ năm 2017 cho đến nay chưa về nhà mà chỉ liên lạc qua điện thoại với gia đình ông H. Khi đi Miền Nam làm ăn anh H chỉ nói đi vào Miền Nam làm ăn chứ không nói địa chỉ cụ thể. Quá trình làm ăn ở Miền Nam anh có gọi điện về hỏi thăm sức khỏe gia đình, qua trao đổi điện thoại thì ông H có hỏi về công việc và nơi ở thì anh H chỉ nói là đang làm ăn ở Miền Nam chứ không nói cụ thể. Việc chị H làm đơn yêu cầu ly hôn thì anh H đã biết vì mỗi lần nhận được các văn bản của Tòa án ông H đều gọi điện báo cho anh H, anh H không có ý kiến gì, anh H đồng ý ly hôn nhưng do đi làm ăn xa không về được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt. Về con chung, có 3 người con chung gồm Phạm Đức M – Sinh ngày 30/01/2001; Phạm Thị H – Sinh ngày 03/10/2007 và Phạm Văn S – Sinh ngày 28/5/2012, cháu đầu đã trưởng thành còn 2 cháu sau có nguyện vọng ở với ai tùy các cháu. Về tài sản chung, anh H không có ý kiến gì.

- *Tại bản tự khai ngày 22/5/2020 cháu Phạm Thị H và cháu Phạm Văn S trình bày:*

Bố cháu là Phạm Văn H, mẹ cháu là Nguyễn Thị H hiện nay bố mẹ không sống với nhau do bố đi làm ăn xa không về. Nay bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử, bị đơn đã được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng: Điều 9, khoản 1 điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H.

Về con chung: Giao con chung Phạm Thị H – Sinh ngày 03/10/2007 và Phạm Văn S – Sinh ngày 28/5/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn H.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) Về thủ tục tố tụng:

1.1. Đây là vụ án “Yêu cầu ly hôn” mà bị đơn cư trú tại, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

1.2. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn H vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu ly hôn giữa chị H và anh H cho ông Phạm Văn H là bố của anh H nhận và ông H đã báo lại cho anh H được biết nhưng anh H vẫn không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An để giải quyết vụ án nên không tiến hành hòa

giải được. Mặc dù anh H đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H, nhưng anh H không về và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của mình cho chị H và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt. Đối với chị H đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H và chị H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

(2) Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không đăng ký kết hôn. Theo kết quả xác minh tại ủy ban nhân dân xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An xác định được chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H không đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Xét thấy việc chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2000 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là có thật. Chị H và anh H có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn thì giữa chị H và anh H không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Sau khi chung sống như vợ chồng với nhau được nhiều năm và sinh được 3 con chung, đến năm 2013 thì vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện tại chị H không còn tình cảm với anh H, nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh H. Qua thông tin từ ông Phạm Văn H cung cấp thì anh H đi làm ăn nhưng không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, ông H đã liên lạc với anh H về giải quyết. Mặc dù anh H đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng anh H không về giải quyết và không cung cấp địa chỉ cho chị H và Tòa án biết là cố tình dấu địa chỉ nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Xét thấy quan hệ vợ chồng của chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H không được pháp luật công nhận, hiện tại chị H và anh đã sống ly thân nhiều năm, không liên lạc với nhau, không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau. Nên cần áp dụng khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H là đúng quy định pháp luật.

2.2. Về nuôi con chung: Chị H và anh H có 3 người con chung là Phạm Đức M – Sinh ngày 30/01/2001; Phạm Thị H – Sinh ngày 03/10/2007 và Phạm Văn S – Sinh ngày 28/5/2012. Đối với cháu Phạm Đức M hiện nay đã trưởng thành, còn 2 cháu Phạm Thị H – Sinh ngày 03/10/2007 và Phạm Văn S – Sinh ngày 28/5/2012, từ khi ly thân đến nay các con ở với chị H. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi con, nên cần chấp nhận giao các con cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp điều 15 và điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị H và nguyện vọng của các con. Về phần cấp dưỡng

nuôi con, chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn H.

2.3. *Về tài sản chung và nợ*: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

*** Áp dụng:** Điều 9, khoản 1 điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

*** Tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H.

- **Về nuôi con chung:** Giao con chung Phạm Thị H – Sinh ngày 03/10/2007 và Phạm Văn S – Sinh ngày 28/5/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn H.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*** Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0001983 ngày 18/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

*** Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

